

THỜI GIAN CÁC CA THI TRẮC NGHIỆM TRÊN MÁY TÍNH (VÒNG 1)

Phần thi: Kiến thức chung và Ngoại ngữ

Địa điểm thi: Trung tâm Hội nghị và Nhà khách thành phố

STT	Thời gian thi	Ca thi	Số thí sinh dự thi Kiến thức chung	Số thí sinh dự thi Ngoại ngữ	Ghi chú
I	Ngày 12/12/2019:				
1.	Sáng				
-	Khai mạc kỳ thi: Tất cả các thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ thi có mặt tại địa điểm thi từ 7h00 để dự lễ khai mạc.				
-	Từ 9 giờ - 10 giờ: Thi kiến thức chung. Từ 10 giờ 30 - 11 giờ: Thi ngoại ngữ.	Ca 1	50	44	- Các thí sinh có số báo danh từ 001 đến 050 - 05 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ; 01 thí sinh thi Ngoại ngữ ngạch cán sự vào chiều ngày 13/12/2019
2.	Chiều				
-	Từ 13 giờ 30 - 14 giờ 30: Thi kiến thức chung. Từ 15 giờ - 15 giờ 30: Thi ngoại ngữ.	Ca 2	50	44	- Các thí sinh có số báo danh từ 051 đến 100 - 06 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ
-	Từ 16 giờ 15 - 17 giờ 15: Thi kiến thức chung. Từ 17 giờ 45 - 18 giờ 15: Thi ngoại ngữ.	Ca 3	50	45	- Các thí sinh có số báo danh từ 101 đến 150 - 05 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ
II	Ngày 13/12/2019:				
1.	Sáng				
-	Từ 7 giờ 15 - 8 giờ 15: Thi kiến thức chung. Từ 8 giờ 45 - 9 giờ 15: Thi ngoại ngữ.	Ca 4	50	40	- Các thí sinh có số báo danh từ 151 đến 200 - 10 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ
-	Từ 10 giờ 00 - 11 giờ 00: Thi kiến thức chung. Từ 11 giờ 30 - 12 giờ 00: Thi ngoại ngữ.	Ca 5	50	44	- Các thí sinh có số báo danh từ 201 đến 250 - 06 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ
2.	Chiều				
-	Từ 13 giờ 30 - 14 giờ 30: Thi kiến thức chung. Từ 15 giờ 00 - 15 giờ 30: Thi ngoại ngữ.	Ca 6	42	36	- Các thí sinh có số báo danh từ 251 đến 292 - 06 thí sinh miễn phần thi Ngoại ngữ
		Tổng	292	253	Tổng số 38 thí sinh miễn phần thi ngoại ngữ

Lưu ý:

- Thí sinh dự thi ngạch cán sự làm bài thi trắc nghiệm trên giấy môn Ngoại ngữ: Từ 15h-15h30 ngày 13/12/2019.
- Thí sinh dự xét tuyển vào UBND huyện Cát Hải, Bạch Long Vĩ không phải thi phần thi trắc nghiệm trên máy tính theo quy định.

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 1

Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 12/12/2019

(Phần thi Kiến thức chung từ 9 giờ 00 đến 10 giờ 00, phần thi Ngoại ngữ từ 10 giờ 30 đến 11 giờ 00)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
		Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Nguyễn Thị Thuận An		15/01/1986	Chi cục Quản lý đất đai	Thạc sỹ	Địa chính	Chính quy		Miễn thi		001
2	Hoàng Thị Phương Anh		23/12/1993	Sở Văn hóa và Thể thao	Cử nhân	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	Chính quy	Khá			002
3	Dương Tú Anh	22/8/1994		Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Thú y	Chính quy	Khá			003
4	Nguyễn Quỳnh Anh		27/6/1996	Chi cục Kiểm lâm	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	Khá			004
5	Phạm Thị Phương Anh		23/9/1992	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	Trung bình			005
6	Đặng Thị Thảo Anh		10/12/1994	UBND quận Ngô Quyền	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá			006
7	Trần Hồng Anh		26/12/1995	UBND quận Kiến An	Đại học	Y khoa	Chính quy	Khá			007
8	Đoàn Đức Anh	20/12/1996		UBND quận Kiến An	Cử nhân	Kinh tế	Chính quy	Trung bình			008
9	Cao Lê Quỳnh Anh		22/3/1995	UBND quận Hải An	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			009
10	Lê Thị Trang Anh		21/9/1995	UBND quận Dương Kinh	Đại học	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Chính quy	Khá			010
11	Nguyễn Việt Anh	23/8/1995		UBND huyện An Dương	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			011
12	Mai Ngọc Ánh	10/01/1995		Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình thủy	Chính quy	Trung bình			012
13	Đào Duy Bảo	21/7/1994		Sở Tài nguyên và môi trường	Kỹ sư	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Chính quy	Khá			013
14	Nguyễn Thị Thanh Bình		20/6/1988	UBND huyện An Lão	Đại học	Địa chính	Chính quy	khá			014
15	Nguyễn Thị Bình		12/6/1984	UBND huyện Thủy Nguyên	Cử nhân	Luật	Tại chức	TB Khá		Con TB 4/4	015

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đánh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
16	Đồng Xuân	Bình	03/3/1982		UBND huyện Thủy Nguyên	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Vừa học vừa làm	TB Khá			016
17	Bùi Trương Đức	Công	10/12/1992		UBND quận Hồng Bàng	Đại học	Tin học ứng dụng	Chính quy	Khá			017
18	Nguyễn Mạnh	Cường	24/10/1982		Sở Tài nguyên và môi trường	Cử nhân	Địa chính	Vừa làm vừa học	Khá			018
19	Trần Viết	Cường	20/8/1984		UBND huyện Tiên Lãng	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế					019
20	Phạm Đức	Chính	28/4/1971		Sở Tài nguyên và môi trường	Cử nhân	Địa chính	Tại chức	Trung bình			020
21	Bùi Văn	Chung	14/7/1980		UBND quận Ngô Quyền	Cử nhân	Luật	Từ xa	Khá			021
22	Nguyễn Văn	Chung	24/8/1986		UBND quận Dương Kinh	Cử nhân	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	Miễn thi		022
23	Dương Thị	Chuyên		14/02/1991	Thanh tra Giao thông vận tải	- Cao đẳng; - Chứng chỉ	- Quản trị văn phòng; - Kỹ năng nghiệp vụ hành chính và VTLT	- Chính quy	TB Khá			023
24	Phạm Ngọc	Diệp		28/9/1990	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			024
25	Lâm Mạnh	Dũng	31/5/1986		Sở Công Thương	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá			025
26	Phạm Khánh	Duy	08/8/1996		Sở giao thông vận tải	Kỹ sư	Khai thác vận tải/Quy hoạch và quản lý GTVT đô thị	Chính quy	Khá			026
27	Nguyễn Đức	Duy	02/3/1997		Sở Tài chính	Cử nhân	Tài chính - Kế toán	Chính quy	Giỏi			027
28	Đinh Như	Duy	10/5/1981		Thanh tra Xây dựng	Đại học	Xây dựng công trình thủy	Chính quy	Trung bình			028
29	Phạm Lệ	Duyên		14/4/1988	Văn phòng UBND thành phố	- Trung cấp; - Cử nhân.	- Trung cấp Hành chính văn thư; - Kế toán; - Chứng chỉ nghiệp vụ VTLT	- Chính quy; - Vừa làm vừa học;	- Trung bình; - TB Khá			029
30	Lương Thị	Duyên		22/7/1994	UBND quận Đồ Sơn	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			030
31	Bùi Thị	Duyên		06/11/1989	UBND huyện An Dương	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		Con thương bình 1/4	031
32	Vũ Đăng	Dương	16/10/1997		Sở Văn hóa và Thể thao	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			032

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
33	Nguyễn Hoàng	Dương	31/10/1987		UBND quận Kiến An	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình			033
34	Đỗ Hải	Dương	02/12/1988		UBND huyện An Dương	Cử nhân	Luật học	Chính quy	Khá			034
35	Nguyễn Hồng	Đào		22/10/1994	Sở Ngoại vụ	- Cử nhân - Thạc sĩ	- Luật; - Luật	Chính quy	- Khá - Xuất sắc	Miễn thi		035
36	Lê Thị Hồng	Đào		19/12/1979	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Thủy nông cải tạo đất	Chính quy	Khá			036
37	Cù Tiến	Đạt	20/11/1994		Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá			037
38	Bùi Thành	Đạt	24/8/1992		Thanh tra Xây dựng	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chính quy	Khá			038
39	Phan Thành	Đạt	30/9/1992		UBND huyện An Dương	-Cử nhân; -Thạc sĩ	- Địa chính; - Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			039
40	Nguyễn Văn	Đệ	27/5/1990		UBND quận Kiến An	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng/XD dân dụng và CN	Chính quy	TB khá			040
41	Bùi Nam	Đỗ	14/4/1992		UBND quận Lê Chân	Đại học	Kinh tế	Liên kết	Khá	Miễn thi		041
42	Vũ Minh	Đức	13/01/1997		Sở Tài nguyên và môi trường	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			042
43	Trần Trung	Đức	06/11/1988		UBND quận Hồng Bàng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh					043
44	Nguyễn Trung	Đức	30/8/1996		UBND huyện Thủy Nguyên	Cử nhân	Luật	Chính quy	Trung bình			044
45	Nguyễn Thị Linh	Giang		02/9/1990	Sở Du lịch	Thạc sĩ	Báo chí	Chính quy	Giỏi	Miễn thi	Con bệnh bình hạng 2 (71%)	045
46	Phạm Trường	Giang	03/11/1996		Chi cục Kiểm lâm	Đại học	Lâm nghiệp	Vừa làm vừa học	Khá			046
47	Trần Đình	Giáp	11/10/1987		UBND quận Kiến An	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá		Con thương bình	047
48	Phạm Thị Ngọc	Hà		23/6/1997	Sở Y tế	Đại học	Kế toán	Chính quy	Giỏi			048
49	Đặng Việt	Hà		07/02/1997	Sở Xây dựng	Đại học	Luật	Chính quy	Khá			049
50	Phạm Thị Ngọc	Hà		11/9/1995	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Y/ Y học dự phòng	Chính quy	Khá			050

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 2
Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 12/12/2019
(Phần thi Kiến thức chung từ 13 giờ 30 đến 14 giờ 30, phần thi Ngoại ngữ từ 15 giờ 00 đến 15 giờ 30)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
		Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Trần Thị Hà		14/3/1997	Chi cục Bảo vệ môi trường	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường	Chính quy	Giỏi			051
2	Trần Thị Thu Hà		04/11/1994	Thanh tra Giao thông vận tải	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Trung bình			052
3	Hoàng Hải Hà	08/3/1991		Thanh tra Giao thông vận tải	Đại học	Tài chính	Chính quy	Khá	Miễn thi		053
4	Nguyễn Khắc Hà	26/9/1990		Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Kỹ sư	Chăn nuôi - Thú y	Chính quy	Trung bình		Con thương binh	054
5	Nguyễn Thị Hà		17/7/1984	UBND huyện An Lão	Đại học	Quản lý đất đai	Vừa làm vừa học	Khá			055
6	Đỗ Thị Hồng Hải		19/3/1994	UBND quận Dương Kinh	Cử nhân	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá			056
7	Vũ Thị Thanh Hải		08/9/1991	UBND quận Hồng Bàng	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá		Con bệnh binh	057
8	Phạm Ngọc Hải	26/12/1994		UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	Kinh tế Xây dựng	Chính quy	Khá			058
9	Phạm Thị Hằng		05/12/1986	Sở Y tế	- Đại học - Chứng chỉ	- Kế toán; - Chứng chỉ nghiệp vụ soạn thảo văn bản, VTLT	Chính quy	Khá		Con Bệnh binh	059
10	Đỗ Thị Thu Hằng		03/12/1983	Chi cục Dân số - KHH gia đình	- Cử nhân; - Thạc sĩ	- Lịch sử; - Sử học	Liên thông VLVH	- Khá; - Xuất sắc	Miễn thi		060
11	Hoàng Thị Hân		17/4/1995	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	Đại học	Công tác xã hội	Chính quy	Khá			061
12	Phạm Hải Hậu	13/9/1988		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cử nhân	Quản trị Tài chính - kế toán	Vừa làm vừa học	TB Khá			062
13	Hoàng Thị Thu Hiền		16/8/1982	Sở Y tế	Cử nhân	Kế toán	Vừa làm vừa học	TB Khá		Con thương binh 3/4	063
14	Dương Thị Thu Hiền		03/01/1992	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chính quy	TB Khá			064
15	Hoàng Thị Hiền		18/11/1984	Chi cục Dân số - KHH gia đình	Đại học	Sư phạm Tin học	Tại chức	TB khá			065

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
16	Trần Thị	Hiền		15/5/1994	UBND huyện An Dương	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			066
17	Vũ Hữu	Hiệp	22/7/1990		UBND huyện Kiến Thụy	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Chính quy	Trung bình			067
18	Vũ Trung	Hiếu	10/12/1988		Sở giao thông vận tải	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình			068
19	Phạm Hữu	Hiếu	03/11/1987		Chi cục Biển và Hải đảo	- Cử nhân; - Thạc sĩ	- Địa lý/Bản đồ, hệ thống tin địa lý và viễn thám; - Môi trường và phát triển	Chính quy	Khá	Miễn thi		069
20	Chung Minh	Hoa		08/3/1993	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	Miễn thi		070
21	Trần Thị	Hoa		18/11/1989	Văn phòng UBND thành phố	-Cử nhân; - Chứng chỉ;	- Kế toán; - Văn thư LT- HCVP; Nghiệp vụ văn thư lưu trữ	Chính quy	TB khá			071
22	Vũ Thị Phương	Hoa		23/01/1992	UBND quận Ngô Quyền	Cử nhân	Địa chính	Chính quy	Giỏi			072
23	Ngô Thị Khánh	Hòa		26/10/1993	Chi cục Quản lý đất đai	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			073
24	Phạm Thị	Hòa		18/10/1986	UBND quận Kiến An	- Đại học - Thạc sĩ	- Kỹ thuật Môi trường; - Khoa học Môi trường					074
25	Nguyễn Thái	Hòa	07/01/1996		UBND huyện Kiến Thụy	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chính quy	Khá			075
26	Bùi Thị	Họa		21/12/1988	Chi cục Phát triển nông thôn	Đại học	Khoa học cây trồng	Chính quy	Trung bình			076
27	Nguyễn Huy	Hoàng	26/8/1995		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Cử nhân	Quản lý Tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá			077
28	Đào Trọng	Hoàng	18/5/1994		Thanh tra Giao thông vận tải	Cử nhân	Luật Kinh tế	Từ xa	Trung bình			078
29	Nguyễn Đức	Hoàng	17/8/1992		Thanh tra Xây dựng	Đại học	Luật	Vừa làm vừa học	TB Khá			079
30	Vũ Huy	Hoàng	26/7/1995		UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	Xây dựng (Kỹ thuật xây dựng) / Xây dựng dân dụng và công	Chính quy	Trung bình			080
31	Trần Thị	Hồng		05/10/1993	Sở Y tế	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	Khá			081
32	Phạm Thị	Hợp		05/11/1992	Sở Công Thương	Đại học	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi			082
33	Trần Văn	Hùng	03/10/1992		Sở Du lịch	Đại học	Luật kinh tế	Liên thông	Khá			083

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
		Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
34	Trần Văn Hùng	25/3/1983		Sở Xây dựng	- Đại học - Thạc sĩ	- Xây dựng Đ&CN - Kỹ thuật XD công trình dân dụng và công nghiệp	Chính quy	TB khá			084
35	Vũ Đăng Hùng	14/6/1993		UBND quận Kiến An	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Trung bình			085
36	Trịnh Văn Hùng	04/12/1989		UBND quận Hải An	Đại học	Kinh tế xây dựng	Vừa học, vừa làm	Trung bình	Miễn thi		086
37	Nguyễn Thế Huy	23/10/1993		Ban quản lý Khu kinh tế	Cử nhân	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá			087
38	Nguyễn Trọng Huy	12/6/1985		UBND huyện Vĩnh Bảo	Đại học	Máy tính Công nghệ thông tin	Chính quy	TB khá			088
39	Đỗ Thanh Thanh Huyền		28/9/1996	Sở Văn hóa và Thể thao	Cử nhân	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			089
40	Nguyễn Thu Huyền		20/9/1993	Sở giao thông vận tải	Cử nhân	Kinh tế vận tải	Chính quy	Khá			090
41	Nguyễn Thu Huyền		22/12/1985	Chi cục Bảo vệ môi trường	Cử nhân	Công nghệ sinh học	Chính quy	Khá			091
42	Trần Thị Huyền		09/12/1983	Thanh tra Giao thông vận tải	Cử nhân	Kế toán	Tại chức	Khá			092
43	Trịnh Quý Hưng	17/02/1986		Sở giao thông vận tải	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường	Chính quy	Khá	Miễn thi	Con thương bình 3/4	093
44	Dương Quang Hưng	15/7/1993		Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng/Xây dựng thủy lợi thủy	Vừa học vừa làm	Khá			094
45	Nguyễn Thị Hương		19/9/1984	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Kỹ sư	Kỹ thuật tài nguyên nước (Quy hoạch và quản lý hệ thống công trình thủy lợi)	Chính quy	TB khá			095
46	Vũ Thị Mai Hương		28/4/1992	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Thú y	Chính quy	Khá			096
47	Trần Thị Thu Hương		04/9/1985	UBND quận Hồng Bàng	Đại học	Sư phạm Vật lý	Vừa học vừa làm	Khá			097
48	Phạm Thu Hương		01/9/1994	UBND huyện An Lão	Bác sỹ	Y học dự phòng	Chính quy	Khá			098
49	Trần Thị Thu Hương		10/9/1981	UBND huyện An Lão	Đại học	Luật	Vừa làm vừa học	Khá			099
50	Bùi Thị Hường		09/01/1991	Sở Tài nguyên và môi trường	Cử nhân	Địa chất học	Chính quy	Khá			100

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 3

Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 12/12/2019

(Phần thi Kiến thức chung từ 16 giờ 15 đến 17 giờ 15, phần thi Ngoại ngữ từ 17 giờ 45 đến 18 giờ 15)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
					Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Đào Thu	Hường		25/7/1993	Thanh tra Giao thông vận tải	Đại học	Luật	Từ xa	Trung bình		101
2	Phạm Thu	Hường		01/5/1992	UBND huyện Tiên Lãng	Cử nhân	Luật Quốc tế	Chính quy	Trung bình		102
3	Phạm Thị	Hường		22/8/1996	UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá		103
4	Trần	Kiên	22/3/1992		Thanh tra Xây dựng	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng/ Xây dựng dân dụng và công	Chính quy	Trung bình		104
5	Nguyễn Việt	Kha	08/4/1989		Sở Y tế	Đại học	Dược sĩ	Chính quy	Trung bình		105
6	Nguyễn Văn	Khải	30/7/1991		Sở Tài chính	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Giỏi		106
7	Nguyễn Tuấn	Khoa	10/12/1991		Sở Văn hóa và Thể thao	- Cử nhân - Thạc sĩ	- Kinh tế ngoại thương; - Quản lý kinh tế	Chính quy	Trung bình	Miễn thi	107
8	Nguyễn Đăng	Khoa	23/8/1991		Thanh tra Giao thông vận tải	Cử nhân	Luật	Từ xa	Trung bình		108
9	Nguyễn Trọng	Khôi	22/5/1996		Sở Văn hóa và Thể thao	Đại học	Luật	Chính quy	Khá		109
10	Trần Thị Diệu	Khuê		01/8/1996	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cử nhân	Luật	Chính quy	Giỏi		110
11	Trần Thị Hương	Lan		18/12/1990	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Cử nhân - Cử nhân - Thạc sĩ	- Kinh tế vận tải biển; - Luật Kinh tế; - Quản lý kinh tế	- Chính quy; - Vừa làm vừa học; - Chính quy	- Khá; - TB Khá		111
12	Nguyễn Thị	Lân		05/4/1990	Sở Y tế	Đại học	Kế toán	Chính quy	Khá	Con thương bình 1/4	112
13	Nguyễn Tùng	Lâm	28/8/1996		UBND huyện An Dương	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		113
14	Vũ Thành	Lân	02/8/1985		Ban quản lý Khu kinh tế	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Chính quy			114

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đăng
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
15	Phạm Tường	Lân	22/5/1986		Văn phòng UBND TP	Thạc sĩ	Kiến trúc					115
16	Phạm Diễm	Lệ		16/4/1996	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			116
17	Dương Văn	Liêm	21/9/1984		Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng	Vừa học vừa làm	TB khá			117
18	Nguyễn Thùy	Liên		12/02/1989	Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh/ Tiếng Anh Quan hệ quốc tế	Chính quy	TB Khá	Miễn thi		118
19	Phạm Thị	Liên		16/01/1992	Sở Tài nguyên và môi trường	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Giỏi			119
20	Vũ Thị Phương	Liên		04/10/1992	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	TB Khá			120
21	Nguyễn Thị Hương	Liên		01/01/1995	Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			121
22	Nguyễn Thị	Liên		23/3/1980	UBND huyện Vĩnh Bảo	Đại học	Sư phạm Tin học	Tại chức	Trung bình		Con TB loại 1/4	122
23	Đỗ Hồng	Liên		19/7/1987	UBND huyện Thủy Nguyên	Đại học	Kế toán	Chính quy liên thông	TB khá			123
24	Dương Thị Thùy	Linh		30/8/1997	Sở Ngoại vụ	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Khá	Miễn thi		124
25	Trần Thùy	Linh		14/10/1995	Sở Tài nguyên và môi trường	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			125
26	Nguyễn Thị Thùy	Linh		02/8/1993	Sở giao thông vận tải	Đại học	Luật	Vừa làm vừa học	Khá			126
27	Nguyễn Thị Khánh	Linh		25/01/1997	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Công nghệ thực phẩm	Chính quy	khá			127
28	Nguyễn Phương	Linh		06/11/1995	Chi cục Phát triển nông thôn	Đại học	Nông học/Bảo vệ thực vật	Chính quy	Khá			128
29	Đỗ Thị Mỹ	Linh		01/8/1993	UBND quận Hồng Bàng	- Cử nhân; -Thạc sĩ	- Tài chính kế toán; - Quản lý kinh tế	- Chính quy; - Chính quy	Khá		Con nuôi thương binh	129
30	Lưu Quang	Linh	26/5/1986		UBND quận Ngô Quyền	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Liên thông CQ	Khá			130
31	Nguyễn Quang	Linh	17/9/1994		UBND quận Kiến An	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy				131
32	Đào Xuân	Linh	04/09/1996		UBND quận Dương Kinh	Đại học	Văn hóa du lịch	Chính quy	Khá			132

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
33	Trần Văn	Long	13/11/1993		Sở giao thông vận tải	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	TB Khá			133
34	Trần Minh	Long	10/7/1996		UBND quận Ngô Quyền	Kỹ sư	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng/ Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Chính quy	Trung bình			134
35	Lê Thị	Lụa		13/6/1992	Chi cục Quản lý đất đai	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			135
36	Nguyễn Quang	Luận	06/01/1989		UBND quận Kiến An	Kỹ sư	Công nghệ môi trường	Chính quy	TB khá			136
37	Nguyễn Thị	Lương		11/7/1988	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Hệ thống thông tin kinh tế/Tin học Tài chính - Kế	Chính quy	TB khá			137
38	Phạm Thùy	Ly		20/9/1996	Chi cục Dân số - KHH gia đình	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			138
39	Vũ Thị	Mai		04/11/1996	Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Giỏi	Miễn thi		139
40	Giang Thị Xuân	Mai		06/3/1988	Sở Du lịch	Cử nhân	Văn hóa - Du lịch	Chính quy	TB Khá			140
41	Khúc Quỳnh	Mai		28/8/1995	Sở Y tế	Đại học	Dược học	Chính quy	Trung bình			141
42	Bùi Ngọc	Mai		17/8/1991	Ban quản lý Khu kinh tế	Cử nhân	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Giỏi			142
43	Bùi Thị Quỳnh	Mai		08/6/1990	Ban quản lý Khu kinh tế	Đại học	Tài chính -Ngân hàng	Chính quy	Giỏi	Miễn thi		143
44	Phạm Thị Như	Mai		31/7/1991	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	Đại học	Lưu trữ học	Vừa làm vừa học	Giỏi			144
45	Nguyễn Thị	Mai		18/6/1989	UBND quận Dương Kinh	Cử nhân	Hải dương học	Chính quy	Khá			145
46	Nguyễn Thị	Mai		20/7/1983	UBND huyện An Dương	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	TB Khá			146
47	Nguyễn Thị	Mai		12/12/1985	UBND huyện Thủy Nguyên	Cử nhân	Tôn giáo học	Chính quy	Khá			147
48	Phạm Văn	Mạnh	11/10/1977		Sở Tài nguyên và môi trường	Đại học	Địa chính	Chính quy	Khá			148
49	Phạm Đình	Mạnh	28/9/1991		Sở Xây dựng	Kỹ sư	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Chính quy	Trung bình			149
50	Đào Quý	Mạnh	07/02/1987		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Đại học - Thạc sĩ	- Xã hội học; - Xã hội học	Chính quy	Giỏi			150

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 4

Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 13/12/2019

(Phần thi Kiến thức chung từ 7 giờ 15 đến 8 giờ 15, phần thi Ngoại ngữ từ 8 giờ 45 đến 9 giờ 15)

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Phạm Hồng	Mẫn	19/11/1991		Ban quản lý Khu kinh tế	Đại học	Kinh tế ngoại thương	Chính quy	Khá	Miễn thi		151
2	Khổng Thị	Minh		09/8/1994	UBND quận Kiến An	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Chính quy	Giỏi			152
3	Quách Bình	Minh	29/01/1993		Sở Xây dựng	Cử nhân	Luật	Vừa làm vừa học	Khá			153
4	Vũ Thị Hồng	Minh		25/3/1995	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		Kế toán	Chính quy	Trung bình			154
5	Phan Nguyệt	Minh		10/5/1997	UBND quận Hồng Bàng	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			155
6	Phạm Hồng	Minh	18/8/1994		Sở giao thông vận tải	- Thạc sỹ - Cử nhân	- Quản trị chiến lược kinh doanh;	Chính quy	Khá Giỏi	Miễn thi		156
7	Nguyễn Thị Trà	My		14/8/1988	Chi cục Dân số - KHH gia đình	Cử nhân	Luật	Tại chức	Khá			157
8	Nguyễn Thị	My		12/11/1987	Chi cục Phát triển nông thôn	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	TB Khá			158
9	Đào Thị Hiền	Na		29/6/1993	UBND quận Kiến An	- Cử nhân - Thạc sỹ	- Việt Nam học; - Việt Nam học	- Chính quy; - Chính quy	Khá			159
10	Nguyễn Hải	Nam	05/9/1993		Sở giao thông vận tải	Cử nhân	Kinh tế vận tải	Chính quy	Khá			160
11	Phạm Đức	Nam	11/5/1993		UBND huyện Thủy Nguyên	Cử nhân	Quản trị kinh doanh/Kế toán - Kiểm toán	Chính quy	Khá			161
12	Nguyễn Thị Hằng	Nga		13/11/1996	Sở Công Thương	Cử nhân	Kinh tế ngoại thương	Chính quy	Giỏi			162
13	Đỗ Thu	Ngân		20/01/1994	Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	Miễn thi		163
14	Trần Hồng	Ngân		15/9/1992	Chi cục Phát triển nông thôn	Cử nhân	Kế toán Kiểm toán	Vừa làm vừa học	Khá		Con thương binh	164
15	Trần Trí	Nghĩa	28/7/1995		Thanh tra Xây dựng	Cử nhân	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			165

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
16	Cao Minh	Nghĩa	14/01/1994		UBND quận Kiến An	Kỹ sư	Quản lý đất đai	Chính quy	TB khá			166
17	Phạm Thị vân	Ngọc		22/12/1994	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			167
18	Vũ Minh	Ngọc	11/12/1995		Chi cục Dân số - KHH gia đình	Bác sỹ	Y học dự phòng	Chính quy	TB khá			168
19	Trần Minh	Ngọc		10/4/1994	Chi cục Dân số - KHH gia đình	Đại học	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	Miễn thi		169
20	Vũ Thị	Ngọc		04/10/1994	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá			170
21	Bùi Minh	Nguyệt		18/11/1995	UBND quận Hải An	Cử nhân	Kinh tế	Chính quy	Khá			171
22	Vũ Thị	Nhàn		30/9/1994	Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Luật, kinh tế, quản lý	Liên kết	Khá	Miễn thi		172
23	Bùi Thị	Nhàn		03/3/1987	UBND huyện Kiến Thụy	- Thạc sĩ - Đại học	- Kiến trúc; - Kiến trúc	Chính quy	Khá			173
24	Bùi Thị	Nhanh		24/11/1994	UBND quận Ngô Quyền	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Chính quy	Khá			174
25	Nguyễn Thị	Nhẫn		06/11/1982	Sở Công Thương	Đại học	Luật	Vừa làm vừa học	TB Khá	Miễn thi		175
26	Nguyễn Hà	Nhi		29/3/1994	UBND quận Kiến An	Bác sĩ	Y học dự phòng	Chính quy	TB khá			176
27	Đoàn Thị Tuyết	Nhung		09/6/1992	UBND quận Hồng Bàng	Đại học	Sư phạm Toán học	Chính quy	Khá			177
28	Lâm Thị	Oanh		18/5/1992	Chi cục Quản lý đất đai	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		Con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiệm chất độc hóa học	178
29	Mai Nam	Phong	22/7/1991		Sở giao thông vận tải	Thạc sĩ	Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông					179
30	Bạch Thanh	Phong	10/8/1993		Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Đại học	Quản trị kinh doanh	Liên kết	Đạt	Miễn thi		180
31	Vũ Thị Lan	Phương		14/01/1982	Sở Y tế	Đại học	Kế toán	Từ xa	TB Khá			181
32	Vũ Hoài	Phương		14/10/1990	Sở giao thông vận tải	- Cử nhân - Thạc sĩ	- Kinh tế vận tải biển; - Tổ chức và Qlý vận tải	Chính quy; Chính quy	- Xuất sắc			182

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
33	Đoàn Thu	Phương		26/12/1989	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Cử nhân; - Thạc sĩ	- Tài chính - Ngân hàng; - Quản lý kinh tế	Chính quy	Giỏi			183
34	Nguyễn Chí Hải	Phương		02/3/1986	Văn phòng UBND thành phố	Kỹ sư	Công nghệ thông tin	Chính quy	TB Khá			184
35	Nguyễn Thị Mai	Phương		27/10/1997	Sở Tài chính	Cử nhân	Tài chính			Miễn thi		185
36	Nguyễn Thị	Phương		08/02/1987	Chi cục Biển và Hải đảo	Cử nhân	Công nghệ môi trường	Chính quy	Khá			186
37	Tô Thị Lan	Phương		06/5/1982	Chi cục Biển và Hải đảo	Thạc sĩ	Khoa học và Công nghệ Môi trường	Chính quy				187
38	Phan Thị	Phương		02/9/1992	Chi cục Bảo vệ môi trường	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường	Chính quy	Khá			188
39	Nguyễn Thị Hà	Phương		22/12/1997	Chi cục Kiểm lâm	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	Khá			189
40	Nguyễn Hồng	Phương	22/10/1992		UBND quận Ngô Quyền	- Cử nhân; - Thạc sĩ	- Địa chính; Quản lý Tài nguyên, Môi	- Chính quy; - Chính quy.	- Giỏi			190
41	Phạm Thị Bích	Phương		23/8/1986	UBND huyện An Dương	Đại học	Quản lý đất đai	Vừa làm vừa học	Khá			191
42	Tô Xuân	Phương	24/01/1996		UBND huyện An Dương	Cử nhân	Luật kinh tế	Chính quy	Khá		Người dân tộc thiểu số	192
43	Vũ Minh	Quân	26/8/1986		Sở giao thông vận tải	- Đại học - Thạc sĩ	Kỹ thuật và công nghệ	Chính quy		Miễn thi		193
44	Vũ Thị	Quy		13/4/1994	UBND quận Đồ Sơn	Bác sĩ	Y học dự phòng	Chính quy	Khá			194
45	Phạm Hùng	Quý	05/02/1993		Sở Văn hóa và Thể thao	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			195
46	Nguyễn Trọng	Quyền	07/02/1994		Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá			196
47	Nguyễn Thị	Quỳnh		22/10/1990	Chi cục Phát triển nông thôn	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Chính quy	Khá			197
48	Vũ Trúc	Quỳnh		12/9/1994	UBND quận Kiến An	Đại học	Kinh tế vận tải	Chính quy	Khá			198
49	Bùi Thị	Quỳnh		26/5/1985	UBND huyện An Lão	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Chính quy	TB Khá			199
50	Ngô Thị	Sáu		20/09/1987	UBND huyện An Lão	Cử nhân	Luật	Tại chức	TB Khá	Miễn thi		200

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 5

Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 13/12/2019

(Phần thi Kiến thức chung từ 10 giờ 00 đến 11 giờ 00, phần thi Ngoại ngữ từ 11 giờ 30 đến 12 giờ 00)

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Bùi Đức	Soạn	23/10/1988		UBND huyện Thủy Nguyên	Đại học	Luật Kinh tế	Từ xa	Trung bình			201
2	Nguyễn Công	Son	27/11/1997		Thanh tra Giao thông vận tải	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	Khá			202
3	Vũ Văn	Son	26/12/1987		UBND quận Đồ Sơn	Cử nhân	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	TB Khá			203
4	Trần Thị	Tâm		30/9/1986	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Chăn nuôi thú y	Chính quy	TB Khá			204
5	Đồng Văn	Tiến	22/3/1996		Chi cục Phát triển nông thôn	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Chính quy	Khá			205
6	Nguyễn Văn	Tiến	26/02/1995		UBND quận Đồ Sơn	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			206
7	Phạm Minh	Tiến	03/8/1983		UBND quận Dương Kinh	Cử nhân	Luật	Vừa làm vừa học	Khá			207
8	Phan Thị	Toan		25/10/1991	Sở Công Thương	Cử nhân	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá			208
9	Hứa Song	Toàn	01/02/1995		Sở Khoa học và Công nghệ	Đại học	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá			209
10	Trần Anh	Tú	17/8/1992		UBND quận Ngô Quyền	Đại học	Tài chính -Ngân hàng	Chính quy	Khá			210
11	Nhữ Văn	Tú	21/9/1989		UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	Hành chính học	Chính quy	Khá			211
12	Lương Anh	Tú	20/10/1988		UBND huyện An Dương	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình			212
13	Đoàn Thành	Tuân	02/5/1982		Sở giao thông vận tải	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế					213
14	Nguyễn Mạnh	Tuân	01/5/1996		UBND huyện Tiên Lãng	Cử nhân	Kinh tế	Chính quy	Trung bình			214
15	Đỗ Văn	Tuân	25/05/1981		UBND huyện An Dương	Đại học	Dược	Chính quy	Trung bình			215
16	Nguyễn Công	Tuân	03/12/1989		UBND huyện Thủy Nguyên	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Chính quy	Trung bình			216

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
17	Đỗ Quang	Tuấn	29/01/1980		Sở giao thông vận tải	- Thạc sĩ - Đại học	- Xây dựng cầu hầm; - Xây dựng cầu đường	Chính quy	Khá			217
18	Lê Trọng	Tuấn	13/9/1983		Chi cục Bảo vệ môi trường	Đại học	Công nghệ sinh học	Chính quy	TB Khá			218
19	Phạm Anh	Tuấn	25/10/1989		UBND quận Hải An	Đại học	Kinh tế	Chính quy	Khá			219
20	Phạm Duy	Tùng	18/6/1993		Sở Tài nguyên và môi trường	- Kỹ sư - Thạc sĩ	- Kỹ thuật trắc địa bản đồ; - Kỹ thuật trắc địa bản đồ.	Chính quy Chính quy	Khá			220
21	Lương Văn	Tùng	15/5/1991		Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Trung bình			221
22	Giang Thanh	Tùng	17/11/1983		UBND quận Ngô Quyền	- Kỹ sư; - Thạc sĩ	- Quản lý đất đai; - Quản lý đất đai	- Chính quy; - Chính quy	- Khá; - Khá			222
23	Vi Văn	Tuyên	23/3/1986		UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	- Kỹ thuật hạ tầng đô thị - Chứng chỉ Giám sát XDCTDD và công nghiệp	Chính quy	TB Khá		Con bệnh binh 2/3 (61%)	223
24	Phạm Văn	Tuyến	28/8/1985		Sở Xây dựng	Đại học	Xây dựng công trình	Vừa làm vừa học	Trung bình			224
25	Giang Hồng	Tuyến	12/7/1975		Chi cục Phát triển nông thôn	- Thạc sĩ; - Tiến sĩ	- Nông nghiệp; - Nông nghiệp	Tập trung			Con của người hưởng chính sách như thương binh	225
26	Bùi Thị Ánh	Tuyết		29/6/1986	Sở Công Thương	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Chính quy	Khá	Miễn thi		226
27	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết		26/12/1988	UBND huyện Tiên Lãng	Đại học	Hành chính học	Chính quy	Khá			227
28	Nguyễn Đăng	Tươi	21/10/1983		UBND huyện An Lão	Đại học	Kỹ thuật bờ biển	Chính quy	TB Khá		Con của người hưởng chính sách như thương binh	228
29	Phùng Quang	Thái	27/11/1989		Sở Xây dựng	Kỹ sư	Cấp thoát nước	Chính quy	Trung bình			229
30	Bùi Hồng	Thái	14/10/1992		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			230
31	Phan Đức	Thái	13/4/1994		Thanh tra Xây dựng	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chính quy	Khá			231
32	Nguyễn Xuân	Thanh	19/9/1996		Sở giao thông vận tải	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			232

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
33	Nguyễn Quang	Thành	29/12/1987		Sở giao thông vận tải	Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải			Miễn thi		233
34	Vũ Lương	Thành	21/10/1990		Chi cục Quản lý đất đai	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			234
35	Phạm Tiến	Thành	23/10/1991		Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán	Chính quy	Trung bình			235
36	Phạm Phú	Thành	13/11/1990		UBND quận Kiến An	- Kỹ sư - Thạc sĩ	- Xây dựng cầu đường; - Quy hoạch giao thông	- Chính quy; - Chính quy	- Khá	Miễn thi		236
37	Nguyễn Tú	Thanh	23/6/1994		Sở Ngoại vụ	Kỹ sư	- Kthuat Trắc địa - Bản đồ - Bồi dưỡng nghiệp vụ soạn thảo văn bản VTLT	Chính quy	Khá			237
38	Phạm Thị Thu	Thảo		06/12/1991	Sở Công Thương	-Cử nhân Thạc sĩ	- Quản trị kinh doanh; - Quản trị kinh doanh	- Chính quy; - Chính quy	-Giỏi	Miễn thi		238
39	Nguyễn Thị Phương	Thảo		12/02/1997	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá		Con thương bình	239
40	Ngô Phương	Thảo		26/8/1991	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Cử nhân; - Thạc sĩ	- Quản trị Tài chính - Kế toán;	Chính quy	Giỏi	Miễn thi		240
41	Nguyễn Hà Phương	Thảo		16/7/1995	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Y học dự phòng	Chính quy	Khá			241
42	Bùi Thị Phương	Thảo		27/01/1985	Chi cục Biển và Hải đảo	- Kỹ sư; - Thạc sĩ	- Quản lý môi trường; - Quản lý môi trường	- Chính quy; - Chính quy	- Giỏi - Trung bình	Miễn thi		242
43	Vũ Thị	Thảo		22/12/1994	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình xây dựng/Kỹ thuật công trình	Chính quy	Xuất sắc			243
44	Phạm Thị Thu	Thảo		09/02/1995	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Chăn nuôi	Chính quy	TB			244
45	Nguyễn Thị	Thảo		24/9/1992	UBND quận Đồ Sơn	Đại học Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Chính quy				245
46	Nguyễn Vũ Phương	Thảo		20/11/1997	UBND quận Dương Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			246
47	Nguyễn Thị Phương	Thảo		21/10/1996	UBND huyện An Lão	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			247
48	Phạm Thị Thu	Thảo		01/10/1993	UBND huyện Thủy Nguyên	- Đại học; - Thạc sĩ	- Luật; - Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá			248
49	Nguyễn Đức	Thắng	08/9/1990		Sở Công Thương	Cử nhân	Kinh tế ngoại thương	Chính quy	Khá			249
50	Trương Thị Thanh	Thiện		26/11/1993	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Tài chính - Kế toán	Chính quy	Khá			250

DANH SÁCH THÍ SINH THI CA 6

Thi trắc nghiệm trên máy tính ngày 13/12/2019

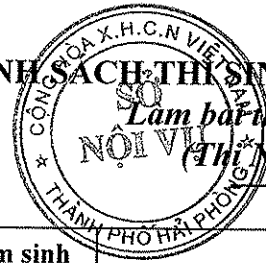
(Phần thi Kiến thức chung từ 13 giờ 30 đến 14 giờ 30, phần thi Ngoại ngữ từ 15 giờ 00 đến 15 giờ 30)

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
1	Vũ Trọng	Thiện	30/8/1994		Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Bác sỹ	Y học dự phòng	Chính quy	TB Khá	Miễn thi		251
2	Đồng Thị	Thiện		22/7/1985	Thanh tra Xây dựng	- Đại học; - Thạc sĩ	- Xây dựng cầu đường; - Xây dựng đường ô tô và thành phố	Chính quy	Khá			252
3	Lương Khánh	Thiện	20/02/1985		UBND quận Kiến An	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Chính quy	Trung bình			253
4	Nguyễn Văn	Thoại	07/12/1975		Sở Tài chính	Đại học Thạc sĩ	- Kinh doanh thương mại - Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Giỏi			254
5	Nguyễn Quỳnh	Thu		07/12/1994	UBND quận Đồ Sơn	Đại học	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá			255
6	Nguyễn Thị An	Thuận		11/02/1991	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Tài chính - Kế toán	Chính quy	Khá		Con thương bình 4/4	256
7	Đinh Thị	Thùy		07/9/1991	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thạc sĩ	Kinh tế	Chính quy				257
8	Phạm Thị Minh	Thùy		26/01/1993	UBND quận Hồng Bàng	Cử nhân	Kinh tế	Chính quy	Trung bình			258
9	Nguyễn Thị Thanh	Thùy		17/12/1985	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Thạc sĩ	Khoa học môi trường					259
10	Hà Thị Thu	Thùy		01/11/1982	Chi cục Phát triển nông thôn	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	Khá			260
11	Trần Thị	Thúy		07/5/1983	Sở Công Thương	- Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh					261
12	Hoàng Thị	Thúy		12/7/1979	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đại học	Kế Toán	Chính quy	Khá			262

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo đanh
		Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
13	Phạm Huyền Thương		29/9/1989	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Cử nhân	Kế toán	Chính quy	Khá		Con thương bình loại A (41%)	263
14	Nguyễn Thị Hương Trà		21/8/1992	Chi cục Phát triển nông thôn	Đại học	Quản trị kinh doanh	Từ xa	Trung bình			264
15	Lưu Thu Trang		25/11/1995	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đại học	Kinh tế	Chính quy	Khá			265
16	Nguyễn Thu Trang		19/01/1995	Sở Văn hóa và Thể thao	Đại học	Luật	Chính quy	Khá			266
17	Đặng Thị Quỳnh Trang		12/7/1997	Sở Du lịch	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá			267
18	Nguyễn Minh Trang		21/01/1993	Sở Y tế	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Liên kết	Khá	Miễn thi		268
19	Trần Lê Thu Trang		10/02/1996	Sở giao thông vận tải	Đại học	Luật	Chính quy	Giỏi			269
20	Đào Thị Quỳnh Trang		08/11/1991	Chi cục Dân số - KHH gia đình	Cử nhân	Y tế công cộng	Chính quy	Khá			270
21	Ngô Thị Thùy Trang		14/9/1994	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Chính quy	Giỏi			271
22	Phạm Huyền Trang		22/12/1996	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Đại học	Thú y	Chính quy	Khá			272
23	Nguyễn Thị Thu Trang		24/10/1990	UBND quận Kiến An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			Miễn thi		273
24	Nguyễn Thị Trang		27/04/1994	UBND quận Đồ Sơn	Cử nhân	Quản lý nhà nước	Chính quy	Khá			274
25	Nguyễn Thị Trang		02/9/1996	UBND quận Dương Kinh	Cử nhân	Quản lý nhà nước	Chính quy	Giỏi			275
26	Trần Thị Ngọc Trâm		20/3/1995	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai	Đại học	Kỹ thuật công trình biển	Chính quy	Khá			276
27	Lê Đức Trường	13/6/1978		Sở Công Thương	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Chính quy	Khá			277
28	Đoàn Bá Trường	14/02/1991		UBND quận Dương Kinh	- Đại học; - Chuyên khoa cấp I	Dược học	Chính quy	Trung bình			278

ST T	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
			Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
29	Nguyễn Thị Tố	Uyên		21/8/1983	UBND quận Đồ Sơn	- Bác sĩ - Bác sĩ Chuyên khoa I	- Y đa khoa - Sản phụ khoa	Chính quy	- Khá - Giỏi		Con thương bình	279
30	Vũ Hồng	Vân		07/5/1996	Sở Thông tin và truyền thông	Cử nhân	Luật	Chính quy	Khá	Miễn thi		280
31	Vũ Thị Hồng	Vân		31/07/1981	UBND quận Lê Chân	Dược sĩ	Dược sĩ	Chính quy	Khá	Miễn thi		281
32	Nguyễn Thị Thái	Vi		08/5/1993	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường	Chính quy	Giỏi			282
33	Võ Hoàng	Việt	27/8/1995		Sở Ngoại vụ	Cử nhân	Ngôn ngữ Nga	Chính quy	Khá	Miễn thi		283
34	Bùi Đức	Việt	28/02/1987		Sở Du lịch	Cử nhân	Luật	Từ xa	Khá			284 [☆]
35	Phạm Xuân	Việt	09/7/1981		Thanh tra Xây dựng	Thạc sĩ Kỹ sư	- Thạc sĩ ngành xây dựng công trình thủy; - Kỹ sư XD cầu đường	Chính quy	TB Khá			285
36	Vũ Quốc	Việt	05/8/1991		UBND quận Kiến An	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng/Xây dựng dân dụng và CN	Chính quy	TB khá			286
37	Đặng Văn	Vũ	09/02/1992		Thanh tra Giao thông vận tải	Cử nhân	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	TB khá			287
38	Nguyễn Hải	Vương	28/12/1995		Sở giao thông vận tải	Kỹ sư	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Trung bình			288
39	Hoàng Thị	Yến		14/12/1983	Chi cục Phát triển nông thôn	- Bác sĩ - Cử nhân - Thạc sĩ	- Thú y; - Kế toán; - Thú y	- Chính quy; - Chính quy	- Khá - Khá			289
40	Trần Nữ Hoàng	Yến		12/10/1989	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Kỹ sư	Chăn nuôi - Thú y	Chính quy	Khá		Con thương bình	290
41	Đỗ Hải	Yến		20/10/1997	UBND quận Lê Chân	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Xuất sắc			291
42	Hoàng Thị Hải	Yến		13/3/1996	UBND quận Đồ Sơn	Đại học	Quản lý nhà nước	Chính quy	Giỏi			292

DANH SÁCH THI SINH THI NGẠCH CÁN SỰ PHÂN THI NGOẠI NGỮ



Làm bài thi trắc nghiệm trên giấy ngày 13/12/2019

(Thi Ngoại ngữ từ 15 giờ 00 đến 15 giờ 30)

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Cơ quan dự tuyển	Trình độ chuyên môn				Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh
		Nam	Nữ		Trình độ	Ngành / Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Xếp loại			
23	Dương Thị Chuyên		14/02/1991	Thanh tra Giao thông vận tải	- Cao đẳng; - Chứng chỉ	- Quản trị văn phòng; - Kỹ năng nghiệp vụ hành chính và VTLT	- Chính quy	TB Khá			023